HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG PHÚ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 05 /2011/NQ-HĐND	*Đồng Phú, ngày 01 tháng 8 năm 2011*

NGHỊ QUYẾT
Về việc giao dự toán điều chỉnh thu – chi ngân sách huyện năm 2011

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG PHÚ
KHÓA X - KỲ HỌP THỨ HAI

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Xét Tờ trình số 80/TT-UBND, ngày 16/7/2011 của Ủy ban nhân dân huyện về việc đề nghị giao dự toán điều chỉnh thu – chi ngân sách Nhà nước huyện năm 2011;

Trên cơ sở báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội Hội đồng nhân dân huyện và ý kiến của các Đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất giao dự toán điều chỉnh thu, chi ngân sách huyện năm 2011 như sau:

1. Tổng thu ngân sách Nhà nước (NSNN) trên địa bàn huyện năm 2011 là 100 tỷ 120 triệu đồng, bằng 117,79% so với dự toán tỉnh và dự toán HĐND huyện giao đầu năm 2011.

2. Tổng chi ngân sách huyện năm 2011 là 303 tỷ 122 triệu đồng, tăng chi 81 tỷ 812 triệu đồng so với đầu năm 2011, bằng 149,35% so với dự toán tỉnh giao đầu năm và bằng 152,84% so với dự toán Hội đồng nhân dân huyện giao, trong đó:

- Tổng chi cân đối ngân sách huyện là : 298 tỷ 122 triệu đồng;
- Các khoản ghi thu – ghi chi ngân sách là : 5 tỷ đồng.

3. Cân đối ngân sách huyện năm 2011:

a) Tổng thu điều tiết ngân sách huyện hưởng năm 2011 là 303 tỷ 122 triệu đồng, trong đó:

* Tổng thu cân đối ngân sách huyện hưởng trong năm 2011: 298 tỷ 122 triệu đồng, gồm:

- Thu điều tiết từ nguồn thu mới phát sinh trên địa bàn: 77 tỷ 203 triệu đồng;
- Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 193 tỷ 391 triệu đồng, gồm:
  + Thu trợ cấp cân đối ngân sách : 115 tỷ 308 triệu đồng;
  + Thu bổ sung mục tiêu XDCB : 14 tỷ 195 triệu đồng;
  + Thu bổ sung chương trình mục tiêu : 3 tỷ 994 triệu đồng;
  + Kinh phí xây dựng mô hình NTM xã Tân Lập: 41 tỷ 000 triệu đồng;
  + Thu bổ sung mục tiêu khác : 2 tỷ 986 triệu đồng;
  + Thu bổ sung mục tiêu phát sinh : 10 tỷ 637 triệu đồng;
  + Thu bổ sung kinh phí cải cách lương : 5 tỷ 271 triệu đồng;
- Thu tồn quỹ ngân sách huyện năm 2010 : 5 tỷ 841 triệu đồng;
- Thu chuyển nguồn năm 2010 sang năm 2011 là: 21 tỷ 687 triệu đồng;

* Tổng các khoản ghi thu, ghi chi là : 5 tỷ 000 triệu đồng.

b) Tổng chi cân đối ngân sách huyện trong năm 2011 là : 303 tỷ 122 triệu đồng.

c) Bội thu (+); bội chi (-): 0.

Điều 2: Giao cho Ủy ban nhân dân huyện tổ chức thực hiện, giao thường trực Hội đồng nhân dân, Ban Kinh tế - Xã hội và các đại biểu hội đồng nhân dân huyện giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện Đồng Phú, kỳ họp thứ hai khóa X thông qua ngày 26 tháng 7 năm 2011 và có hiệu lực sau 7 ngày kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:
- TT.HĐND, UBND Tỉnh;
- Ban KT-NS HĐND tỉnh;
- Sở Tư pháp, Công báo tỉnh;
- TT HU, TT HĐND huyện;
- UBND, UBMTTQ huyện;
- Hai Ban HĐND huyện;
- Đại biểu HĐND huyện;
- Các cơ quan, ban ngành, đoàn thể huyện;
- TT.HĐND, UBND xã, thị trấn;
- LĐVP, CV các khối;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Trần Ngọc Trai

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỒNG PHÚ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BÁO CÁO
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN THU – CHI NGÂN SÁCH HUYỆN 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2011 VÀ DỰ KIẾN DỰ TOÁN ĐIỀU CHỈNH NĂM 2011

(Kèm theo Nghị quyết số 05 /2011/NQ-HĐND ngày 01/8/2011 của Hội đồng nhân dân huyện)

ĐVT: 1.000 đồng

STT	Nội Dung	DT tỉnh giao N. 2011	DT huyện giao N. 2011	Thực hiện 06 tháng đầu năm 2011	Dự kiến dự toán điều chỉnh năm 2011	So sánh			
	1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6=4/2*	*7=4/3*	*8=5/2*	*9=5/3*
	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	**85.000.000**	**85.000.000**	**56.425.000**	**100.120.000**	**66,38**	**66,38**	**117,79**	**117,79**
I	**Tổng các khoản thu cân đối NSNN**	**81.300.000**	**81.300.000**	**55.547.000**	**95.120.000**	**68,32**	**68,32**	**117,00**	**117,00**
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp - NQD	51.000.000	51.000.000	39.016.000	62.000.000	76,50	76,50	121,57	121,57
2	Lệ phí trước bạ	5.200.000	5.200.000	5.110.000	7.000.000	98,27	98,27	134,62	134,62
3	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	890.000	890.000	-	120.000	-	-	13,48	13,48
4	Thu thuế nhà, đất	690.000	690.000	473.000	540.000	68,55	68,55	78,26	78,26
5	Thu phí, lệ phí	1.000.000	1.000.000	358.000	1.000.000	35,80	35,80	100,00	100,00
6	Thuế thu nhập cá nhân	3.500.000	3.500.000	3.278.000	5.000.000	93,66	93,66	142,86	142,86
7	Thu tiền sử dụng đất	15.500.000	15.500.000	5.927.000	17.000.000	38,24	38,24	109,68	109,68
8	Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước	1.450.000	1.450.000	149.000	600.000	10,28	10,28	41,38	41,38
9	Thu khác NS	2.070.000	2.070.000	1.236.000	1.860.000	59,71	59,71	89,86	89,86
II	**Các khoản thu được để lại QL qua NSNN**	**3.700.000**	**3.700.000**	**878.000**	**5.000.000**	**23,73**	**23,73**	**135,14**	**135,14**
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	**202.965.000**	**198.323.000**	**151.087.000**	**303.122.000**	**74,44**	**76,18**	**149,35**	**152,84**
A	**Tổng Chi Trong Cân Đối Ngân Sách**	**199.265.000**	**194.623.000**	**150.209.000**	**298.122.000**	**75,38**	**77,18**	**149,61**	**153,18**
A.1	**Chi đầu tư phát triển**	**23.300.000**	**23.300.000**	**68.462.000**	**103.707.000**	**293,83**	**293,83**	**445,09**	**445,09**
A.2	**Chi thường xuyên**	**169.866.000**	**165.224.000**	**81.747.000**	**191.236.000**	**48,12**	**49,48**	**112,58**	**115,74**
I	**Chi sự nghiệp kinh tế**		**13.047.500**	**5.322.000**	**15.250.000**		**40,79**		**116,88**
1	Sự nghiệp lâm nghiệp		2.742.500	1.245.000	3.166.000		45,40		115,44
2	Chi sự nghiệp nông nghiệp		973.000	253.000	986.000		26,00		101,34

3	Sự nghiệp môi trường		982.000	346.000	982.000		35,23		100,00
4	Sự nghiệp giao thông		4.500.000	2.188.000	5.724.000		48,62		127,20
5	Sự nghiệp kiến thiết thị chính		3.000.000	1.290.000	3.542.000		43,00		118,07
6	Sự nghiệp kinh tế khác		850.000		850.000		-		100,00
II	**Sự nghiệp văn hóa - xã hội**		**96.154.960**	**44.176.000**	**106.542.000**		**45,94**		**110,80**
1	Sự nghiệp giáo dục - đào tạo		78.573.000	34.544.000	81.345.000		43,96		103,53
	- SN đào tạo và đào tạo lại cán bộ		800.000	444.000	981.000		55,50		122,63
	- SN giáo dục		77.773.000	34.100.000	80.364.000		43,85		103,33
2	Trung Tâm VHTT - TT		1.620.000	982.000	1.867.000		60,62		115,25
3	Đài truyền Thanh		1.348.960	972.000	1.681.000		72,06		124,61
4	SN Y tế		12.129.000	6.110.000	15.076.000		50,38		124,30
4.1	Chi SN y tế (BVĐK, TT y tế, TT DS KHH)		8.384.000	4.170.000	10.395.000		49,74		123,99
4.2	Kp mua thẻ BHYT cho trẻ em < 6 tuổi		3.745.000	1.940.000	4.681.000		51,80		124,99
5	Chi đảm bảo xã hội		2.184.000	1.458.000	6.273.000		66,76		287,23
6	Chi SN khoa học công nghệ		300.000	110.000	300.000		36,67		100,00
III	**Chi quản lý hành chính**		**26.719.976**	**13.000.000**	**31.813.000**		**48,65**		**119,06**
III.1	Chi quản lý Nhà nước		16.521.016	7.351.000	19.106.000		44,49		115,65
III.2	Khối Đảng (VP Huyện ủy)		5.494.500	3.280.000	6.379.000		59,70		116,10
III.3	Khối đoàn thể		3.921.960	2.035.000	5.109.000		51,89		130,27
III.4	Kinh phí tổ chức chính trị XH, XH nghề nghiệp		782.500	334.000	1.219.000		42,68		155,78
IV	**Chi Quốc phòng - An ninh**		**1.700.000**	**1.442.000**	**2.445.000**		**84,82**		**143,82**
1	Chi Quốc phòng		1.100.000	892.000	1.507.000		81,09		137,00
2	Chi an ninh		600.000	550.000	938.000		91,67		156,33
V	**Chi bổ sung NS xã, TT**		**21.715.000**	**12.305.000**	**26.993.000**		**56,67**		**124,31**
VI	**Chi khác**		**3.250.000**	**991.000**	**6.100.000**		**30,49**		**187,69**
VII	**Nguồn chi chế độ lương mới (tiết kiệm 10%)**	**2.379.000**	**743.564**	**-**	**200.000**	**-**	**-**	**8,41**	**26,90**
VIII	**Kp chi trợ giá, trợ cước**		**893.000**	**-**	**893.000**		**-**		**100,00**
IX	**Tạm ứng**			**4.011.000**	**-**				
X	**Bổ trí KP cho Ngân hàng CSXH**		**1.000.000**	**500.000**	**1.000.000**		**50,00**		**100,00**
A.3	**Dự phòng phí**	**6.099.000**	**6.099.000**	**-**	**3.179.000**		**-**	**52,12**	**52,12**
B	**Các khoản chi bằng nguồn thu để lại chi qua NSNN**	**3.700.000**	**3.700.000**	**878.000**	**5.000.000**	**23,73**	**23,73**	**135,14**	**135,14**

C/ Phần Cân Đối Ngân Sách Huyện khả năng thực hiện năm 2011:

1/ Tổng thu điều tiết ngân sách huyện hưởng khả năng thực hiện năm 2011:	**303.122**	**triệu đồng**
1.1/ Tổng thu điều tiết ngân sách huyện hưởng khả năng thực hiện năm 2011:	298.122	triệu đồng
- Thu điều tiết từ nguồn thu mới phát sinh	77.203	triệu đồng
- Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	193.391	triệu đồng
+ Thu trợ cấp CĐNS	115.308	triệu đồng
+ Thu bổ sung mục tiêu XDCB	14.195	triệu đồng
+ Thu bổ sung chương trình mục tiêu	3.994	triệu đồng
+ KP xây dựng mô hình NTM xã Tân Lập	41.000	triệu đồng
+ Thu bổ sung mục tiêu khác	2.986	triệu đồng
+ Thu bổ sung mục tiêu phát sinh	10.637	triệu đồng
+ Dự kiến thu bổ sung KP cải cách lương	5.271	triệu đồng
- Thu tồn quỹ NS huyện năm 2010	5.841	triệu đồng
- Thu chuyển nguồn năm 2010 sang năm 2011	21.687	triệu đồng
1.2/ Các khoản ghi thu để lại quản lý qua NSNN	5.000	triệu đồng
2/ Tổng chi ngân sách huyện khả năng thực hiện năm 2011:	303.122	triệu đồng
3/ Tồn quỹ NS huyện khả năng thực hiện năm 2011:	-	triệu đồng